

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/DS-PT

Ngày 21/01/2021

V/v Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Liên Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Ông Trương Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Hoa Thiên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 7 và 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 572/2020/DSPT ngày 19/11/2020 về: “Tranh chấp thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 250/2020/DS-ST ngày 06/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6316/2020/QĐ-PT ngày 15/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2021/QĐ-PT ngày 07/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L1, sinh năm 1941

Địa chỉ: 04 Đường Đ, ấp T1, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cáp Chiến T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 35/1B ấp H, xã Bà Điểm, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Hà Văn P1, sinh năm 1960

Nơi cư trú: 67/1K ấp T2, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 138, tổ 9, ấp T2, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Hà Trung P2, sinh năm 1986

Địa chỉ: 166 đường L, khu phố 3, thị trấn H, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 138, tổ 9, ấp T2, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt tại phiên tòa theo đơn)

2/ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xây dựng B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: A92 đường T, khu phố 2, phường Đ, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông Cấp Chiến T là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị L1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị Yến L2 (1963 – 2009), kết hôn với ông Hà Văn P1. Bà L2 và ông P1 có 01 con chung tên Hà Trung P2.

Năm 2004 ông P1 và bà L2 ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 56/QĐ.TTLH cả hai có thỏa thuận phân chia về tài sản chung ngày 16/04/2004.

Sau khi phân chia tài sản chung ngày 05/7/2006 hai bên có lập thêm thỏa thuận về việc giao đất tại thửa 1816, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã T, huyện H trên đất có nhà 1/6A đã được ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận số V 204310 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 817 QSDĐ 1B ngày 31/5/2002 để cấn trừ vào số tiền 336.000.000 đồng theo biên bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 16/04/2004. Tại biên bản phân chia ngày 05/7/2006 ông P1 đã thừa nhận nhà trên đất do bà L1 cho tiền bà L2 xây dựng (thời điểm này bà L2 bị bệnh nên không có thu nhập), ông P1 đã giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L2 và sẽ sang tên cho bà L2 nhưng đến nay ông P1 vẫn không thực hiện.

Năm 2009 bà L2 chết, bà L1 là mẹ ruột của bà L2 nộp đơn yêu cầu chia thừa kế tài sản bà L2 để lại là nhà đất tại địa chỉ 1/6A thuộc thửa 1816, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp T1, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà L1 yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 22/10/2017 như sau:

- Tuyên bố tài sản là lô đất có diện tích 240m² thuộc thửa 1816 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã T, huyện H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 204310 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 817 QSDĐ 1B ngày 31/5/2002 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Hà Văn P1 là di sản của bà Nguyễn Thị Yến L2; Các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị Yến L2 là bà Trần Thị L1 (mẹ đẻ) và ông Hà Trung P2 (con đẻ) mỗi người được hưởng ½ di sản thừa kế.

- Buộc ông Hà Văn P1 phải làm thủ tục sang tên quyền sở hữu tài sản lô đất trên cho bà Trần Thị L1 và ông Hà Trung P2. Nếu ông P1 không thực hiện thì bà L1 có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về thừa kế.

Tại phiên tòa bà Trần Thị L1 trình bày: Bà không có yêu cầu gì về việc

đưa tiền cho bà L2 xây nhà và thống nhất toàn bộ ý kiến của ông Cấp Chiến T trình bày.

Theo bản tự khai ngày 03/4/2014 ông Hà Văn P1 trình bày:

Ông có đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 204310 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 817 QSDĐ 1B ngày 31/5/2002 diện tích 240m² thuộc thửa 1816, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã T, huyện H trên đất có nhà 1/6A.

Sau khi ly hôn ông P1 đã chia phần đất trên cho bà L2, hiện bà L1 đang cho thuê và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính do bà L1 đang giữ.

Về việc tranh chấp nhà đất nêu trên là do bà L1 và ông P2, ông P1 không có ý kiến gì, ông P1 hiện không giữ giấy tờ của nhà đất nêu trên, nếu bà L1 và ông P2 đồng ý chia đôi thì ông P1 sẽ ra công chứng ký sang tên.

Theo bản tự khai ngày 07/4/2014 ông Hà Trung P2 trình bày:

Trước đây ba ông P2 là ông P1 có chia nhà đất diện tích 240m² thuộc thửa 1816, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã T, huyện H trên đất có nhà 1/6A cho mẹ ông P2 là bà Yến Linh, mẹ ông P2 chết năm 2009, có để lại nhà đất nêu trên, hiện bà ngoại ông P2 là bà Trần Thị L1 đang quản lý sử dụng, trước đây mẹ và bà ngoại ông P2 có hứa sẽ chia cho ông P2 phần diện tích nêu trên. Tuy nhiên nếu bà ngoại ông P2 không đồng ý và muốn chia phần đất nêu trên ra làm 02 phần ông P2 cũng đồng ý.

Theo bản tự khai ngày 09/01/2020 Ông Nguyễn Quốc T là người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xây dựng B trình bày:

Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xây dựng B đang thuê nhà xưởng của bà Trần Thị L1 và có làm hợp đồng thuê, vụ án tranh chấp của bà L1 và ông P1, Công ty không có ý kiến gì, Công ty sẽ chấp hành theo phán quyết của Tòa án và không có bất cứ khiếu nại gì và xin được vắng mặt trong các buổi hòa giải xét xử của Tòa án.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện H đã tuyên án:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, điều 91, 92, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 634, Điều 635, Điều 675, Điều 676 Bộ luật Dân sự 2005;
- Căn cứ Điều 623 Bộ Luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.
- Căn cứ Pháp Lệnh án phí, lệ phí Tòa Án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

[1] Công nhận phần đất có diện tích 240m² thuộc thửa 1816, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã T, huyện H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V

204310 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 817/QSDĐ 1B ngày 31/5/2002 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Hà Văn P1 là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Yến L2; Hiện trạng thể hiện tại bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh số hợp đồng: 99355/CNHM ngày 04/8/2015.

[2] Các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị Yến L2 là bà Trần Thị L1 (mẹ đẻ) và ông Hà Trung P2 (con đẻ) mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế.

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị L1 và ông Hà Trung P2 có quyền yêu cầu ông Hà Văn P1 đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục sang tên và khai nhận di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Yến L2.

Trường hợp ông Hà Văn P1 không thực hiện bà Trần Thị L1 và ông Hà Trung P2 được quyền liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký khai nhận di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Yến L2 và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng hiện trạng quản lý, sử dụng và đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 18/9/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Văn Phú kháng cáo một phần bản án và đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng: công nhận ông và bà L1 là đồng thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị Yến L2. Với di sản là nhà đất có diện tích 240m² thuộc thửa 1816 tờ bản đồ số 10, xã T huyện H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 817/QSDĐ/1B ngày 31/5/2002 do ông Hà Văn P1 đứng tên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Trung P2 có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố đơn kháng cáo của ông P2.

Nguyên đơn trình bày ý kiến về yêu cầu kháng cáo của: Nguyên đơn không đồng ý với các lý do kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Trung P2 với các lý do ông không cư trú tại 166 Đường L, khu phố 3 thị trấn H nhưng Tòa án lại niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ này; Việc phân chia 50% giá trị tài sản chưa rõ ràng; Ông và cha ông không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên các yêu cầu cụ thể đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết thì cũng đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vì vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự nằm trong hạn luật định nên hợp lệ. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích những tình tiết khách quan của vụ án, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhân

dân thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử, giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá về kháng cáo, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, đối chiếu những căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử Phúc thẩm nhận định:

[1] Bản án sơ thẩm số 250/2020/DS-ST được tuyên vào ngày 06/8/2020, ngày 08/9/2020 bản án được tổng đạt cho ông Hà Văn P1, ông Hà Trung P2 có nơi cư trú cùng với ông P1 do đó ngày mà ông P2 nhận được bản án cũng là ngày bản án được tổng đạt cho ông P1. Ngày 18/9/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Trung P2 kháng cáo và nộp đơn kháng cáo vào ngày 21/9/2020. Vì vậy đơn kháng cáo của ông P2 nằm trong thời hạn luật định, ông P2 có đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do đó Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Theo kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Trung P2 do ông đã không cư trú tại 166 Đường L, khu phố 3, thị trấn H, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh, nên không được tham gia tố tụng. Qua xem xét hồ sơ vụ án ông Hà Văn Phú có làm bản tự khai đề ngày 07/4/2014 với nơi cư trú số 57/2 khu phố 3 thị trấn H, qua xác minh công an thị trấn H thì ông P2 không sống tại đây, trước có cư trú tại 166 Đường L, khu phố 3, thị trấn H, Tòa án đã xác minh nơi cư trú của ông P2 thêm 3 lần nữa mà không xác định địa chỉ nơi cư trú của ông P2. Do ông P2 đã biết được bà L1 khởi kiện vụ án tranh chấp về thừa kế mà ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng lại không cung cấp cho Tòa án địa chỉ nơi cư trú mới, nên để giải quyết vụ án Tòa án đã niêm yết giấy triệu tập theo địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của đương sự tại 166 Đường L, khu phố 3, thị trấn H theo quy định tại các điều 177 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Trung P2 kháng cáo vì cho rằng ông và bà ngoại ông không có tranh chấp về thừa kế, nhưng Tòa án đã chia cho mỗi người 50% giá trị di sản của bà Nguyễn Thị Yên L2 là không đúng, mặt khác việc chia giá trị di sản cũng không rõ được ai là người sẽ giữ di sản, giao 50% giá trị di sản cho bên kia, hoặc mỗi người sẽ nhận 50% di sản là nhà đất, việc tuyên án không rõ ràng làm ông không thể yêu cầu thi hành án được.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại bản tự khai đề ngày 07/4/2014 ông Hà Trung P2 có trình bày về việc chia di sản như sau: *“Nếu bà Ngoại tôi không đồng ý (cho ông toàn bộ di sản) muốn chia phần đất trên ra làm hai phần tôi cũng đồng ý”*. Tuy nhiên sau đó mặc dù biết rõ việc khởi kiện của bà L1 nhưng ông P2 không tham gia tố tụng, không cung cấp địa chỉ nơi ở mới nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ có thể xác định ý chí của ông trong việc chia *“Phần đất trên ra làm hai phần”* là 50% theo đúng ý chí của ông khi tham gia tố tụng. Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để sửa đổi phần này của bản án sơ thẩm. Trong trường hợp cần phân chia

di sản của bà L2 thì ông P2 có thể thỏa thuận với bà L1, nếu không thỏa thuận được thì có thể khởi kiện trong vụ án khác.

[3] Qua xem xét các yêu cầu kháng cáo của ông P2 về việc công nhận ông và bà L1 là đồng thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị Yến L2. Với di sản là nhà đất có diện tích 240m² thuộc thửa 1816 tờ bản đồ số 10, xã T huyện H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 817/QSĐĐ/1B ngày 31/5/2002 do ông Hà Văn P1 đứng tên. Các yêu cầu này đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết đúng pháp luật. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về yêu cầu xem xét lại án phí của ông P2: Đây là vụ án tranh chấp thừa kế do đó, theo khoản 7 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 thì *“Mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản, phần di sản mà họ được hưởng, được chia trong trường hợp các bên đương sự không tự xác định được phần tài sản của mình trong khối tài sản chung, phần di sản mà mình được hưởng trong khối di sản thừa kế và có một trong các bên yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, di sản thừa kế đó”*. Tòa án xác định ông P2 và bà L1 là người đồng thừa kế tài sản của bà L1, nên ông là người phải đóng tiền án phí sơ thẩm theo quy định. Đồng thời theo biên bản định giá ngày 25/8/2015 tổng giá trị tài sản tranh chấp là 2.878.774.400 đồng do đó bà L1 và ông P2 mỗi người chịu án phí dân sự sơ thẩm tương đương với số tiền 44.787.744 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông P2 phải đóng tiền án phí là đúng quy định của pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu được miễn án phí cho cha là ông Hà Văn P1: do ông P2 không được ông P1 ủy quyền kháng cáo, do đó Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông P2.

[6] Do nội dung kháng cáo của đương sự đều không có cơ sở nên không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận, vì vậy giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các phần quyết định khác không có kháng cáo được giữ nguyên.

[7] Về án phí sơ thẩm đã được tính đúng theo quy định tại Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 (như trình bày tại mục [4], [5], nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở tính toán lại theo yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Án phí phúc thẩm: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 148 BLTT DS năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự,
- Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 250/2020/DS-ST ngày 06/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Công nhận phần nhà, đất có diện tích 240m² thuộc thửa 1816, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã T, huyện H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 204310 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 817 QSDĐ 1B ngày 31/5/2002 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Hà Văn P1 là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Yến L2; Hiện trạng thể hiện tại bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh số hợp đồng: 99355/CNHM ngày 04/8/2015.

2. Các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị Yến L2 là bà Trần Thị L1 (mẹ đẻ) và ông Hà Trung P2 (con đẻ) mỗi người được hưởng ½ di sản thừa kế.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị L1 và ông Hà Trung P2 có quyền yêu cầu ông Hà Văn P1 đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục sang tên và khai nhận di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Yến L2.

Trường hợp ông Hà Văn P1 không thực hiện bà Trần Thị L1 và ông Hà Trung P2 được quyền liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký khai nhận di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Yến L2 và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng hiện trạng quản lý, sử dụng và đúng quy định pháp luật.

4. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hà Văn P1 phải chịu số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).
- Ông Hà Trung P2 phải chịu số tiền là 44.787.744 đồng (bốn mươi bốn triệu, bảy trăm tám mươi bảy ngàn, bảy trăm bốn mươi bốn đồng).
- Bà Trần Thị L1 thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, hoàn trả cho bà Trần Thị L1 số tiền tạm ứng án phí là 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2011/00648 ngày 25/6/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Hà Trung P2 phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0076257 ngày 21/9/2020 của chi cục Thi hành án huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án có hiệu lực thi hành ngay sau khi Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND TP.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Bùi Liên Minh